

Bản án số: 407/2022/HC-PT

Ngày 09 tháng 9 năm 2022

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính,  
hành vi hành chính về quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Hải Hiệp;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Phạm Văn Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 433/2021/TLPT-HC ngày 16 tháng 10 năm 2021 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2021/HC-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8105/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1955, địa chỉ: Xóm TP, xã KH, huyện S, thành phố Hà Nội. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đức M:* Bà Nguyễn Tú Anh và bà Chu Thị Phương Thảo - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội. Bà Tú Anh có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Thảo có mặt.

**\* Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, Hà Nội; do ông Phạm Văn Ngọc - Phó Chủ tịch UBND huyện S làm đại diện. Vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã KH, huyện S, Hà Nội do ông Nguyễn Thanh H - Phó Chủ tịch UBND xã KH làm đại diện. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Yên, sinh năm 1955; Vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1978; Vắng mặt.
4. Anh Nguyễn Đức Dũng, sinh năm 1980; Vắng mặt.
5. Chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1985; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã KH, huyện S, thành phố Hà Nội.

6. Chị Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 12, ngõ 36 Lương Đình Cửa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Yên, chị Hương:* Ông Nguyễn Đức M. Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Yến, anh Dũng:* Anh Đỗ Viết Thảo; địa chỉ: Số 12, ngõ 36 Lương Đình Cửa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã KH, huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M gồm hai nội dung:

- Việc xác định nguồn gốc đất và quy chủ thửa đất khai hoang phục hóa của gia đình ông Minh tại xứ đồng Bảng Tin từ năm 1980 không được hưởng chính sách hỗ trợ thu hồi đất dự án xây dựng phòng khám đa khoa với lý do: Năm 2011 triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa tại thôn 5, toàn bộ diện tích đất vỡ hoang của gia đình ông Minh và các hộ dân có đất vỡ hoang trên địa bàn thôn sử dụng trước thời điểm dồn điền đổi thửa được thu hồi lại làm đường mương nội đồng khi thôn triển khai thực hiện công tác dồn điền đổi thửa năm 2011. Hiện trạng vị trí thung vũng gia đình ông Minh khai hoang, phục hóa sau dồn điền đổi thửa là đất giao thông thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thôn thuộc quỹ đất công do UBND xã quản lý.

- Đối với thửa đất số 699, tờ bản đồ 18c khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Phòng khám đa khoa xã KH thì ông Minh không có đất tại khu vực Phòng khám, không được lên phương án đền bù, hỗ trợ thu hồi đất.

Không đồng ý với nội dung Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của UBND xã KH, ông Minh khiếu nại đến UBND huyện S.

Tại Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M đã quyết định:

- Nội dung ông Nguyễn Đức M khiếu nại về việc xác định nguồn gốc đất và quy chủ thửa đất khai hoang của gia đình ông Minh tại xứ đồng Bảng Tin của UBND xã KH và đề nghị được hỗ trợ, đền bù là không có cơ sở.

- Nội dung ông Nguyễn Đức M khiếu nại đối với diện tích đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Vân tại khu vực giải phóng mặt bằng xây dựng

phòng khám đa khoa xã KH là không có cơ sở, vì về mặt hồ sơ ông Minh còn 111m<sup>2</sup> đất, nhưng trên thực tế thì diện tích 111m<sup>2</sup> đất này không nằm trong khu vực chỉ giới giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Phòng khám đa khoa xã KH.

Ngày 20/7/2016 ông Nguyễn Đức M có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện S.

*\* Người khởi kiện là ông Nguyễn Đức M có quan điểm:*

Năm 1997 gia đình ông được giao đất theo Nghị định 64/CP gồm 06 thửa với tổng diện tích 2.204m<sup>2</sup> đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số 1594 do UBND huyện S cấp ngày 18/12/1997 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Đức M.

Năm 2003, gia đình ông nhận chuyển nhượng của hộ bà Nguyễn Thị Vân 150m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tại xứ đồng Bàng Tin trong tổng diện tích 452m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 699, tờ bản đồ 18c. Thửa đất này của bà Vân đã được UBND huyện S cấp GCNQSD đất. Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP mà gia đình ông có quyền sử dụng là  $2.204\text{m}^2 + 150\text{m}^2 = 2.354\text{m}^2$  đất. Ngoài ra, gia đình ông còn có 02 thửa đất khai hoang phục hóa canh tác ổn định từ năm 1980 tại xứ đồng Bàng Tin là thửa 11a, tờ bản đồ số 4 có diện tích 367m<sup>2</sup> đất và thửa 11, tờ bản đồ số 4 có diện tích 467m<sup>2</sup> đất, bố ông ủy quyền cho anh Hoàng Anh Tuấn đứng tên. Tổng diện tích hai thửa là 834m<sup>2</sup> đất.

Năm 2010, Nhà nước triển khai dự án mở rộng nâng cấp đường 35 giai đoạn 1 nên thửa 11a bị thu hồi 89m<sup>2</sup> và thửa 11 bị thu hồi 128 m<sup>2</sup>. Tổng diện tích đất bị thu hồi là 217m<sup>2</sup>. Diện tích đất còn lại từ hai thửa này của gia đình ông là 616m<sup>2</sup>. Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp mà gia đình ông có tính đến tháng 9/2010 với diện tích là 2.970m<sup>2</sup>, trong đó 2.354m<sup>2</sup> đất có GCNQSD đất và 616m<sup>2</sup> đất khai hoang phục hóa chưa có GCNQSD đất.

Năm 2011, thực hiện chủ trương của Nhà nước về dồn điền đổi thửa, gia đình ông dồn về 05 thửa, có diện tích 2.970m<sup>2</sup> theo hạn mức diện tích như GCNQSD đất đã cấp.

Năm 2015, Nhà nước triển khai dự án xây dựng Phòng khám đa khoa KH, gia đình ông có 02 thửa đất nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng thu hồi: 01 thửa diện tích 495m<sup>2</sup> và thửa số 05 diện tích 140m<sup>2</sup>. Tổng diện tích là 635m<sup>2</sup> theo bảng A sau dồn điền đổi thửa của Viện quy hoạch thành phố năm 2012.

Khi dự án Phòng khám đa khoa được triển khai, tháng 7/2015 việc đo đạc xác định hiện trạng đất làm căn cứ bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng không được các cấp tiến hành theo đúng quy trình thủ tục mà có sự mờ ám khuất tất của UBND xã KH, Ban quản lý dự án huyện S. Các thành phần của huyện và xã không căn cứ vào bản đồ sau dồn điền đổi thửa năm 2012 của Viện quy hoạch thành phố Hà Nội và phương án giao ruộng của Tiểu ban dồn điền năm 2011 giao cho các hộ, mà tự ý cho các hộ tự nhận, thông đồng với một số hộ dân chiếm đoạt đất đai tài sản của 04 hộ gia đình ông, giao cho hộ khác và lập khống diện tích vượt hạn mức để lấy tiền bồi thường của Nhà nước trái với quy định của pháp luật. Đất đai

tài sản của gia đình một số hộ như sau:

Thửa đất số 01: Mặt đường nhà ông, diện tích  $495\text{m}^2$  đất được đưa vào quỹ đất công của xã là  $301\text{m}^2$  đất, còn lại  $194\text{m}^2$  đất thông đồng nâng khống cho các hộ liền kề.

Thửa đất số 02: Diện tích  $150\text{m}^2$  đất trừ hệ số K còn lại  $140\text{m}^2$  đất tại ô số 03 thửa số 05 cùng chung với bà Lê Thị Tuyền, các ông bà trên chỉ đo cho bà Tuyền  $115\text{m}^2$  đất, số đất còn lại không đo cho nhà ông nhưng lại đo nâng khống cho các hộ như sau:

1. Hộ ông Phạm Văn Phi diện tích GCNQSD  $273\text{m}^2$  đất, thực tế thu hồi  $250\text{m}^2$  đất, nâng lên  $314\text{m}^2$  đất, thừa  $64\text{m}^2$  đất.

2. Hộ ông Dương Bá Mạnh diện tích GCNQSD  $600\text{m}^2$  đất, trừ hệ số K còn lại  $580\text{m}^2$  đất, nâng lên  $669\text{m}^2$  đất, thừa  $8\text{m}^2$  đất.

3. Hộ ông Trần Văn Chung diện tích GCNQSD  $365\text{m}^2$  đất, trừ hệ số K còn lại  $345\text{m}^2$  đất, nâng lên  $435\text{m}^2$  đất, thừa  $90\text{m}^2$  đất.

4. Hộ bà Nguyễn Thị Lễ diện tích GCNQSD  $360\text{m}^2$  đất, trừ hệ số K còn  $340\text{m}^2$  đất, nâng lên  $424\text{m}^2$  đất, thừa  $84\text{m}^2$  đất.

5. Ông Lê Danh Việt nhận chuyển nhượng thửa 699 là  $151\text{m}^2$  đất trừ hệ số K còn lại  $140\text{m}^2$  đất, nâng lên  $172\text{m}^2$  đất, thừa  $32\text{m}^2$  đất.

6. Hộ ông Hoàng Anh Tuấn nhận chuyển nhượng thửa 699 diện tích  $151\text{m}^2$  đất trừ hệ số K còn lại  $140\text{m}^2$  đất, nâng lên  $167\text{m}^2$  đất, thừa  $27\text{m}^2$  đất.

7. Hộ anh Lê Hoàng Bích diện tích GCNQSD  $136\text{m}^2$  đất, trừ hệ số K còn lại  $126\text{m}^2$  đất, nâng lên  $167\text{m}^2$  đất, thừa  $41\text{m}^2$  đất.

8. Hộ chị Nguyễn Thị Vân nhận chuyển nhượng diện tích  $360\text{m}^2$  đất của ông Đỗ Du Lịch đã làm đường nội đồng vào ruộng chỉ còn lại  $260\text{m}^2$  đất, số còn lại đã giao ở ô thửa khác,  $70\text{m}^2$  đất nâng lên  $366\text{m}^2$  đất, thừa  $106\text{m}^2$  đất.

Hai thửa đất của gia đình ông bị chiếm đoạt không được quy chủ, cùng với thửa đất nhà anh Nguyễn Văn Thắng.

Ngày 17/9/2016, ông làm đơn khiếu nại lên Ban tiếp dân UBND huyện S yêu cầu dừng ký hồ sơ kỹ thuật, cho cán bộ chuyên môn về điều tra xác minh lại diện tích thực tế của gia đình bị chiếm đoạt thì ngày 25/9/2016 gia đình ông nhận được công văn chỉ đạo của UBND huyện thông báo yêu cầu UBND xã KH giải quyết dứt điểm theo đơn đề nghị của ông trong tháng 9/2015.

Ngày 03/10/2015, UBND xã KH có triệu tập Hội nghị mời đối thoại, nhưng không đạt được kết quả, từ đó đến nay không có hội nghị đối thoại giải quyết nào nữa.

Ngày 31/03/2016, ông có nhận được giấy mời đến phòng thanh tra huyện làm việc có sự tham gia của ông Nguyễn Thế Thành, cơ quan thanh tra có ghi biên bản làm việc và ký xác nhận của các hộ.

Tháng 04/2016, UBND xã KH mời gia đình ông và đại diện các ngành của thôn, cơ quan chuyên môn (địa chính xã) thành lập tổ kiểm tra do ông Nguyễn Thanh Hải - Phó chủ tịch UBND xã chủ trì hội nghị tuyên bố sẽ thực hiện chỉ đạo của UBND huyện và cơ quan thanh tra, lập biên bản kiểm tra, đo đạc, xác minh tại thực địa diện tích đất đai của hộ gia đình ông Nguyễn Đức M. Hiện chỉ có 02 thửa: 01 thửa xứ đồng Cột Điện diện tích 1.151m<sup>2</sup> đất, thửa thứ 2 diện tích 505m<sup>2</sup> đất, tổng 02 thửa là: 1.656m<sup>2</sup> đất, diện tích được hưởng theo Nghị định 64/CP: 2.354m<sup>2</sup> đất, còn thiếu là: 698m<sup>2</sup> đất do 02 thửa đất nằm trong mốc giới thu hồi Phòng khám đa khoa không được công nhận.

Ngày 12/05/2016, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông. Đây là quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đối với nội dung khiếu nại của gia đình ông. Nhưng nội dung của quyết định này nhận định và kết luận không thỏa đáng, không đúng pháp luật và thực tế không khách quan. Do đó, ông không đồng tình với nội dung quyết định này và khởi kiện vì những lý do sau đây:

- Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/05/2016 có nội dung nhận định và kết luận tương tự với Quyết định 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của UBND xã KH, hoàn toàn thiếu cơ sở pháp lý không đúng với Luật đất đai, thửa đất của gia đình ông khai hoang phục hóa canh tác từ năm 1980, ổn định không tranh chấp với ai. Năm 2010 nhà nước thu hồi 217m<sup>2</sup> đất đã hỗ trợ đền bù cây cối hoa màu, còn lại diện tích 616m<sup>2</sup> đất thì không được đền bù.

- Diện tích 150m<sup>2</sup> đất gia đình ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Vân ông không chuyển nhượng, đổi trác hay thực hiện bất cứ giao dịch nào với ai nên diện tích đất của ông trừ tỷ lệ làm đường 0.8% vẫn còn 140m<sup>2</sup> đất chứ không phải 111m<sup>2</sup> đất như nhận định của Quyết định số 1153/QĐ-UBND.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND huyện S và hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của UBND xã KH, huyện S.

*\* Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, Hà Nội có quan điểm:*

Việc xác định nguồn gốc đất và quy chủ thửa đất khai hoang của gia đình ông Minh tại xứ đồng Bảng Tin: Gia đình ông Minh khai hoang một thửa đất tại xứ đồng Bảng Tin từ năm 1980. Tại dự án mở rộng, nâng cấp đường 35 năm 2009 - 2010, thửa đất khai hoang bị thu hồi một phần. Tại phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư năm 2010 mang tên hộ ông Nguyễn Đức M thôn 5, xã KH đối với thửa đất số 11A, tờ bản đồ số 4, diện tích 367,9m<sup>2</sup>, bị thu hồi 89,1m<sup>2</sup>, còn 278,8m<sup>2</sup>. Gia đình ông Minh được hỗ trợ về đất là 7.484.400 đồng, về cây cối hoa màu trên đất là 6.230.000 đồng. Ngoài ra, ông Minh đã ủy quyền cho ông Hoàng Anh Tuấn cùng thôn đứng tên 01 phương án đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4, diện tích 467,5m<sup>2</sup>, bị thu hồi 128,7m<sup>2</sup>, còn 338,8m<sup>2</sup>. Nguồn gốc sử dụng của 02 thửa đất trên được UBND xã KH xác nhận: Hộ ông Minh đã nhận tiền hỗ trợ công tôn tạo đất, hoa màu trên đất.

Năm 2011, khi tiến hành dồn điền đổi thửa tại thôn, cơ sở thôn 5 thống nhất toàn bộ đất khai hoang trả lại cho tập thể. Vì vậy, sau dồn điền đổi thửa không còn diện tích đất khai hoang. Diện tích mà gia đình ông Minh khai hoang trước đây giờ là ruộng nước thủy lợi nội đồng.

Khi thực hiện giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Phòng khám đa khoa xã KH, phần diện tích này đã được thôn 5, xã KH xác nhận là đất do UBND xã quản lý, diện tích 301,3m<sup>2</sup> đất, đã được lập phương án hỗ trợ về đất cho UBND xã KH.

Việc xác định diện tích đất theo Nghị định 64/CP ông Minh nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Vân tại thửa số 699 xứ đồng Bảng Tin: Hộ gia đình ông Minh không được giao đất theo Nghị định 64/CP tại khu vực giải phóng mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH, S (xứ đồng Bảng Tin). Thửa đất số 699, tờ bản đồ 14c có tổng diện tích 452m<sup>2</sup> là của hộ bà Nguyễn Thị Vân. Năm 2003, bà Vân chuyển nhượng cho ông Minh 150m<sup>2</sup>. Hợp đồng chuyển nhượng đất nông nghiệp giữa bà Vân với ông Minh không ghi ngày tháng năm chuyển nhượng, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, tại xứ đồng Bảng Tin, thửa đất số 695, tờ bản đồ 14c có tổng diện tích 276m<sup>2</sup> do bà Nguyễn Thị Hòa nhận chuyển nhượng là 176m<sup>2</sup> và ông Nguyễn Văn Thắng nhận chuyển nhượng 100m<sup>2</sup> từ hộ ông Đỗ Văn Minh (Hợp đồng chuyển nhượng đất ghi ngày 06/10/2011).

Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Minh, bà Hòa đã bán cho ông Nguyễn Đức M 4m mặt đường (76m<sup>2</sup>) và đổi cho ông Nguyễn Đức M 5m mặt đường (100m<sup>2</sup>) để lấy 5m mặt đường (100m<sup>2</sup>) thuộc thửa 699 mà ông Nguyễn Đức Minh đã mua của bà Vân.

Ngày 10/12/2005, ông Nguyễn Đức M chuyển quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Ngọc 140m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 695, giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 12/12/2005, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH, thửa đất bà Trần Thị Ngọc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Đức M có diện tích thực tế đo đạc là 115m<sup>2</sup>.

Như vậy, sau khi chuyển đổi, chuyển nhượng, ông Nguyễn Đức M còn 111m<sup>2</sup> đất. Tuy nhiên, trong quá trình dồn điền đổi thửa, do quy hoạch đường giao thông nội đồng đi qua thửa đất của các hộ làm mất đi một số diện tích. Tại khu đất trong chỉ giới mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH có thửa đất của bà Nguyễn Thị Vân và ông Nguyễn Bình Hải bị đường nội đồng đi qua. Tiểu ban dồn điền thôn (ông Nguyễn Đức M làm trưởng tiểu ban) đã căn cứ Nghị quyết nhân dân (chưa cung cấp được Nghị quyết) cắt mỗi hộ 0,8% diện tích đất để làm đường và bù diện tích cho các hộ có đường đi qua. Bà Nguyễn Thị Vân được bù 01 thửa 70m<sup>2</sup> đất về phía Tây của khu đất, ông Nguyễn Bình Hải được bù 01 thửa 115m<sup>2</sup> đất cách thửa đất cũ 03 thửa phía Tây, giáp hộ ông Lê Danh Việt và ông Lê Danh Long. Như vậy, khi tiến hành dồn điền đổi thửa, về cơ bản khu đất ven

Quốc lộ 35 nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng dự án sau khi đã làm đường nội đồng không thay đổi, chỉ trừ đi diện tích đã làm đường nội đồng và tỷ lệ đất làm đường của các hộ dân. Số lượng các hộ dân vẫn giữ nguyên, chỉ có sự thay đổi giữa vị trí của ông Nguyễn Đức M và ông Nguyễn Bình Hải. Khi ông Minh bố trí cho ông Hải 115m<sup>2</sup> đất vào giữa ông Lê Danh Việt và ông Lê Danh Long thì không còn thể hiện diện tích của ông Nguyễn Đức M tại đây nữa.

Như vậy, về mặt hồ sơ, tài liệu ông Nguyễn Đức M vẫn còn 111m<sup>2</sup> đất tại khu Bàng Tin sau khi đã mua bán, đổi đất. Nhưng trên thực tế, hộ gia đình ông Minh không có ruộng canh tác tại khu vực này vào thời điểm giải phóng mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH.

Ngày 05/5/2016, UBND huyện S đã tổ chức buổi đối thoại với ông Nguyễn Đức M. Tại buổi đối thoại, ông Minh thống nhất với kết quả xác minh đối với nội dung 1. Đối với nội dung 2, ông Minh không đồng ý với kết quả xác minh. Tuy nhiên, ông Minh đề nghị được nhận tiền đối với diện tích đất còn lại của gia đình, không đồng ý nhận đất bổ sung. Từ kết quả xác minh trên, ngày 12/5/2016, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M.

Nay, ông Nguyễn Đức M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/5/2016, Chủ tịch UBND huyện S đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

*\* Đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân xã KH có quan điểm:*

Về việc xác định nguồn gốc thửa đất khai hoang của gia đình ông Minh tại xứ đồng Bàng Tin: Gia đình ông Minh đã khai hoang thửa đất tại xứ đồng Bàng Tin từ năm 1980. Tại dự án mở rộng, nâng cấp đường 35 năm 2009, 2010, thửa đất khai hoang của gia đình ông Minh bị thu hồi một phần. Tại phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư năm 2010, gia đình ông Minh được hỗ trợ về đất là 7.484.400 đồng, về cây cối hoa màu là 6.230.000 đồng. Ngoài ra, ông Minh còn ủy quyền cho ông Hoàng Anh Tuấn cùng thôn đứng tên 01 phương án đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4, diện tích 467,5m<sup>2</sup>, bị thu hồi 128,7m<sup>2</sup>, còn 338,8m<sup>2</sup>.

Năm 2011, khi tiến hành dồn điền đổi thửa tại thôn, cơ sở thôn 5 thống nhất toàn bộ đất khai hoang trả lại cho tập thể. Vì vậy, sau dồn điền đổi thửa không còn diện tích đất khai hoang. Diện tích mà gia đình ông Minh khai hoang trước đây là ruộng nước nội đồng.

Khi thực hiện giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Phòng khám đa khoa xã KH, phần diện tích này đã được thôn 5 xã KH xác nhận là đất do UBND xã KH quản lý, diện tích 301,3m<sup>2</sup>. Đã được lập phương án hỗ trợ về đất cho UBND xã KH.

Việc xác định diện tích đất theo Nghị định 64/CP ông Minh nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Vân tại thửa đất số 699 tại xứ đồng Bàng Tin: Hộ gia đình ông Minh không được giao đất theo Nghị định 64/CP tại khu vực giải phóng

mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH, huyện S (xứ đồng Bảng Tin). Thửa đất số 699, tờ bản đồ 14C có tổng diện tích  $452\text{m}^2$  đất là của hộ bà Nguyễn Thị Vân. Năm 2003, bà Vân chuyển nhượng cho ông Minh  $150\text{m}^2$  đất (hợp đồng chuyển nhượng đất nông nghiệp không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Ngoài ra tại xứ đồng Bảng Tin, thửa đất 695, tờ bản đồ 14c có tổng diện tích  $276\text{m}^2$  đất do bà Nguyễn Thị Hòa nhận chuyển nhượng là  $176\text{m}^2$  và ông Nguyễn Văn Thắng nhận chuyển nhượng  $100\text{m}^2$  từ hộ ông Đỗ Văn Minh (Phú) (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 06/10/2011). Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Minh, bà Hòa đã bán cho ông Nguyễn Đức M  $4\text{m}$  mặt đường ( $76\text{m}^2$ ) và đổi cho ông Nguyễn Đức M  $5\text{m}$  mặt đường ( $100\text{m}^2$ ) để lấy  $5\text{m}$  mặt đường ( $100\text{m}^2$ ) thuộc thửa 699 mà ông Nguyễn Đức M đã mua của bà Vân.

Ngày 10/12/2005, ông Nguyễn Đức M chuyển quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Ngọc  $140\text{m}^2$  đất thuộc thửa số 695. Giấy chuyển quyền sử dụng đất ghi ngày 12/12/2005, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH, thửa đất bà Trần Thị Ngọc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Đức M diện tích thực tế đo đạc chỉ có  $115\text{m}^2$ . Như vậy, sau khi chuyển đổi, chuyển nhượng, ông Nguyễn Đức M còn  $111\text{m}^2$  (gồm  $150\text{m}^2 - 100\text{m}^2 = 50\text{m}^2$  đất thuộc thửa 699 và  $176\text{m}^2 - 115\text{m}^2 = 61\text{m}^2$  đất thuộc thửa 695).

Tuy nhiên, trong quá trình dồn điền đổi thửa, do quy hoạch đường giao thông nội đồng đi qua thửa đất của các hộ làm mất đi một số diện tích. Tại khu đất trong chỉ giới giải phóng mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa xã KH, có thửa đất của bà Nguyễn Thị Vân và ông Nguyễn Bình Hải (Thành) bị đường nội đồng đi qua. Tiểu ban dồn điền thôn (ông Minh làm trưởng Tiểu ban) đã căn cứ Nghị quyết nhân dân cắt mỗi hộ  $0,8\%$  diện tích đất để làm đường và bù diện tích cho các hộ có đường đi qua. Bà Vân được bù một thửa  $70\text{m}^2$  đất về phía Tây của khu đất, ông Nguyễn Bình Hải được bù một thửa  $115\text{m}^2$  đất cách thửa đất cũ 03 thửa về phía Tây, giáp hộ ông Lê Danh Việt và ông Lê Danh Long. Như vậy, khi tiến hành dồn điền đổi thửa, về cơ bản khu đất ven Quốc lộ 35 nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng dự án sau khi đã làm đường nội đồng không thay đổi, chỉ trừ diện tích đã làm đường nội đồng và tỷ lệ đất làm đường của các hộ dân, số lượng các hộ dân vẫn giữ nguyên. Chỉ có sự thay đổi giữa vị trí của ông Nguyễn Đức M và ông Nguyễn Bình Hải khi ông Minh bố trí cho ông Nguyễn Bình Hải  $115\text{m}^2$  đất vào giữa ông Lê Danh Việt và ông Lê Danh Long thì không thể còn diện tích của ông Nguyễn Đức M tại đây nữa.

Như vậy, về mặt hồ sơ, tài liệu ông Nguyễn Đức M vẫn còn  $111\text{m}^2$  đất tại khu Bảng Tin sau khi đã mua bán, đổi đất. Nhưng trên thực tế, hộ gia đình ông Nguyễn Đức M không có ruộng canh tác tại khu vực này vào thời điểm giải phóng mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH.

Nội dung ông Minh khởi kiện Quyết định 1153/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M: Đối với nội dung ông Minh khiếu nại đối với diện tích đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn



Thị Vân tại khu vực giải phóng mặt bằng dự án xây dựng phòng khám đa khoa xã KH là không có cơ sở vì về mặt hồ sơ ông Minh vẫn còn 111m<sup>2</sup> đất nhưng trên thực tế thì diện tích 111m<sup>2</sup> đất này không nằm tại khu vực thuộc chỉ giới giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Phòng khám đa khoa xã KH. Trước dồn điền đổi thửa gia đình ông Minh được giao 2.204m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, sau dồn điền đổi thửa gia đình ông Minh đã nhận đủ diện tích 2.204m<sup>2</sup> đất. Đất mà ông Minh khai hoang năm 1980 là nương nước của địa phương, gia đình ông Minh chỉ trồng cây lộc vừng trên đó. Khi thực hiện quy hoạch dồn điền đổi thửa, Nhà nước đã bồi thường cây cối lâm lộc trên đất cho ông Minh. Phần 495m<sup>2</sup> đất là đất công, là bờ nương chạy dọc theo tuyến quốc lộ giáp đường 35, không được giao theo Nghị định 64/CP và đã bị thu hồi để xây dựng Phòng khám đa khoa KH.

Đối với 150m<sup>2</sup> đất ông Minh mua của bà Nguyễn Thị Vân là đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho bà Vân, đã bị thu hồi làm Phòng khám đa khoa KH. Sau khi thu hồi thì Nhà nước bồi thường cho người thực tế có đất bị thu hồi. Tại thời điểm thu hồi ông Minh không sử dụng thửa đất này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Minh về việc yêu cầu hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/1/2016 của UBND xã KH là không có cơ sở. UBND xã KH không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Minh.

\* Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2021/HC-ST ngày 27/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật đất đai; Luật khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND huyện S và hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của UBND xã KH, huyện S.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức M được miễn nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 01/6/2021 ông Nguyễn Đức M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Đức M không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về cơ bản vẫn giữ nguyên nội dung như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức M đúng quy định về hình thức, trong hạn luật định nên hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp

phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của ông Nguyễn Đức M là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Đức M và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, nhận định của Hội đồng xét xử như sau:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Đức M là hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch và UBND xã KH đều vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy các đương sự vắng mặt đều không kháng cáo và đã có đủ lời khai trong quá trình tố tụng. Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Yên, chị Yên, anh Dũng, chị Hương vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Ngày 20/7/2016, ông Nguyễn Đức M có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện S, Hà Nội và hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của UBND xã KH, huyện S, Hà Nội. Xét thấy đối tượng khởi kiện trong vụ án là các quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại do người có thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước ban hành trong hoạt động quản lý hành chính về đất đai. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Do không đồng ý với nội dung Công văn số 50/UBND ngày 28/10/2015 của UBND xã KH về trả lời kiến nghị của công dân trong việc xác định chủ sử dụng đất giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Phòng khám đa khoa tại xã KH, huyện S, Hà Nội, ông Nguyễn Đức M có đơn khiếu nại. Giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M, UBND xã KH đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Ông Nguyễn Đức M tiếp tục có đơn khiếu nại. Giải quyết khiếu nại của ông Minh, Chủ tịch UBND huyện S đã chỉ đạo đơn vị chức năng kiểm tra, thu thập hồ sơ, tiến hành đối thoại. Trên cơ sở báo cáo của Thanh tra, Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 về việc giải quyết

khieu nại của ông Minh.

Như vậy, việc ban hành các quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại của UBND xã KH và Chủ tịch UBND huyện S là đảm bảo về trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định.

[3.2] Về tính hợp pháp về nội dung của các quyết định hành chính:

[3.2.1] Việc xác định nguồn gốc đất và quy chủ thửa đất khai hoang của gia đình ông Nguyễn Đức M tại xứ đồng Bảng Tin:

Gia đình ông Minh đã khai hoang một thửa đất tại xứ đồng Bảng Tin từ năm 1980, nhưng chưa được cấp GCNQSD đất. Tại dự án mở rộng, nâng cấp đường 35 năm 2009 - 2010, thửa đất khai hoang của gia đình ông Minh bị thu hồi một phần. Tại phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư năm 2010 mang tên hộ ông Nguyễn Đức M thôn 5, xã KH đối với thửa đất số 11A, tờ bản đồ số 4, diện tích 367,9m<sup>2</sup>, bị thu hồi 89,1m<sup>2</sup>, còn 278,8m<sup>2</sup>. Gia đình ông Minh được hỗ trợ về đất là 7.484.400 đồng, về cây cối hoa màu trên đất là 6.230.000 đồng. Ngoài ra, ông Minh đã ủy quyền cho ông Hoàng Anh Tuấn cùng thôn đứng tên 01 phương án đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4, diện tích 467,5m<sup>2</sup>, bị thu hồi 128,7m<sup>2</sup>, còn 338,8m<sup>2</sup>. Nguồn gốc sử dụng của 02 thửa đất trên được UBND xã KH xác nhận: Hộ ông Minh đã nhận tiền hỗ trợ công tôn tạo đất, hoa màu trên đất.

Năm 2011, khi tiến hành dồn điền đổi thửa tại thôn, cơ sở thôn 5 thống nhất toàn bộ đất khai hoang trả lại cho tập thể. Vì vậy, sau dồn điền đổi thửa không còn diện tích đất khai hoang. Diện tích mà gia đình ông Minh khai hoang trước đây giờ là nương nước thủy lợi nội đồng.

Khi thực hiện giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Phòng khám đa khoa xã KH, phần diện tích này đã được thôn 5, xã KH xác nhận là đất do UBND xã quản lý, diện tích 301,3m<sup>2</sup>, đã được lập phương án hỗ trợ về đất cho UBND xã KH.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Minh thừa nhận diện tích đất này do gia đình ông khai hoang, không phải diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP. Ông Minh không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất khai hoang. Vì vậy, Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện S kết luận: Nội dung ông Nguyễn Đức M khiếu nại việc xác định nguồn gốc đất và quy chủ thửa đất khai hoang của gia đình ông Minh tại xứ đồng Bảng Tin của UBND xã KH và đề nghị được hỗ trợ, đền bù là không có cơ sở hoàn toàn có căn cứ pháp luật, phù hợp với Luật đất đai.

[3.2.2] Việc xác định diện tích đất theo Nghị định 64/CP ông Minh nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Vân tại thửa số 699 xứ đồng Bảng Tin:

Hộ gia đình ông Minh không được giao đất theo Nghị định 64/CP tại khu vực giải phóng mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH, S (xứ đồng Bảng Tin).

Thửa đất số 699, tờ bản đồ 14c có tổng diện tích 452m<sup>2</sup> là của hộ bà Nguyễn Thị Vân được giao theo Nghị định 64/CP. Ngày 10/10/2003, bà Vân chuyển nhượng một phần cho ông Minh là 150m<sup>2</sup>. Hợp đồng chuyển nhượng đất nông nghiệp giữa bà Vân với ông Minh không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc chuyển nhượng đất nông nghiệp giữa bà Vân với ông Minh không làm thủ tục công chứng, không sang tên GCNQSD đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại xứ đồng Bảng Tin, thửa đất số 695, tờ bản đồ 14c có tổng diện tích 276m<sup>2</sup> do bà Nguyễn Thị Hòa nhận chuyển nhượng là 176m<sup>2</sup> và ông Nguyễn Văn Thắng nhận chuyển nhượng 100m<sup>2</sup> từ hộ ông Đỗ Văn Minh (Hợp đồng chuyển nhượng đất ghi ngày 06/10/2011). Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn Minh, bà Hòa đã bán cho ông Nguyễn Đức M 4m mặt đường (76m<sup>2</sup>) và đổi cho ông Nguyễn Đức M 5m mặt đường (100m<sup>2</sup>) để lấy 5m mặt đường (100m<sup>2</sup>) thuộc thửa 699 mà ông Nguyễn Đức M đã mua của bà Vân.

Ngày 10/12/2005, ông Nguyễn Đức M chuyển quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Ngọc 140m<sup>2</sup> thuộc thửa 695, giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 12/12/2005, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH, thửa đất bà Trần Thị Ngọc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Đức M có diện tích thực tế đo đạc là 115m<sup>2</sup>.

Như vậy, sau khi chuyển đổi, chuyển nhượng, ông Nguyễn Đức M còn 111m<sup>2</sup>. Trong quá trình dồn điền đổi thửa, do quy hoạch đường giao thông nội đồng đi qua thửa đất của các hộ làm mất đi một số diện tích. Tại khu đất trong chỉ giới mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH có thửa đất của bà Nguyễn Thị Vân và ông Nguyễn Bình Hải bị đường nội đồng đi qua. Tiểu ban dồn điền thôn (ông Nguyễn Đức M làm trưởng tiểu ban) đã căn cứ Nghị quyết nhân dân cất mỗi hộ 0,8% diện tích đất để làm đường và bù diện tích cho các hộ có đường đi qua. Bà Nguyễn Thị Vân được bù 01 thửa 70m<sup>2</sup> về phía Tây của khu đất, ông Nguyễn Bình Hải được bù 01 thửa 115m<sup>2</sup> cách thửa đất cũ 03 thửa phía Tây, giáp hộ ông Lê Danh Việt và ông Lê Danh Long. Do đó, khi tiến hành dồn điền đổi thửa, về cơ bản khu đất ven quốc lộ 35 nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng dự án sau khi đã làm đường nội đồng không thay đổi, chỉ trừ đi diện tích đã làm đường nội đồng và tỷ lệ đất làm đường của các hộ dân. Số lượng các hộ dân vẫn giữ nguyên, chỉ có sự thay đổi giữa vị trí của ông Nguyễn Đức M và ông Nguyễn Bình Hải. Khi ông Minh bố trí cho ông Nguyễn Bình Hải 115m<sup>2</sup> vào giữa ông Lê Danh Việt và ông Lê Danh Long thì không còn thể hiện diện tích của ông Nguyễn Đức M tại đây nữa. Do đó, về mặt hồ sơ, tài liệu ông Nguyễn Đức M vẫn còn 111m<sup>2</sup> đất tại khu Bảng Tin nhưng thực tế hộ gia đình ông Minh không có ruộng canh tác tại khu vực này vào thời điểm giải phóng mặt bằng dự án Phòng khám đa khoa khu vực KH.

Cũng vì lý do trên nên tại Điều 2 Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện huyện S có nêu: “*Yêu cầu UBND*

*xã KH chỉ đạo thôn 5 kiểm tra lại diện tích trước và sau dồn điền đổi thửa của hộ ông Nguyễn Đức M, xem xét bổ sung diện tích 111m<sup>2</sup> đất nông nghiệp cho hộ ông Nguyễn Đức M nếu diện tích này chưa được tính vào tổng diện tích dồn điền đổi thửa. Đồng thời tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý đất đai tại địa phương” là đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông Nguyễn Đức M.*

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức M là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có thêm tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc bác kháng cáo của ông Nguyễn Đức M và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Đức M là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Đức M; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2021/HC-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức M.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Tuyền**

**Nguyễn Huyền Cường**

**Phùng Hải Hiệp**

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Hải Hiệp**

## **CÁC THẨM PHÁN**

## **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Tuyên      Nguyễn Huyền Cường**

**Phùng Hải Hiệp**